CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 05 tháng 11, 2026



Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	DXG	04/11/2026	10.55	38.609.100	10.112.710	3.82
2	TCH	04/11/2026	12.75	20.992.900	5.775.857	3.63
3	HCM	04/11/2026	24.25	10.137.300	2.991.433	3.39
4	VCG	04/11/2026	15.6	7.560.400	2.460.697	03.07
5	VCK	04/11/2026	28.95	4.991.900	1.641.377	03.04
6	HVN	04/11/2026	22.05	1.795.400	592.870	03.03
7	SZC	04/11/2026	20.55	1.646.800	551.333	2.99
8	BSI	04/11/2026	29.4	1.288.300	438.030	2.94
9	CTS	04/11/2026	23.05	4.236.400	1.449.377	2.92
10	MBS	04/11/2026	16.1	8.494.100	2.938.610	2.89
11	PHP	04/11/2026	43.8	1.085.900	383.460	2.83
12	VCI	04/11/2026	20.25	21.830.300	7.981.970	2.73
13	ORS	04/11/2026	14.8	10.838.500	3.990.223	2.72
14	HDC	04/11/2026	12.6	5.154.800	1.944.640	2.65
15	CEO	04/11/2026	11.9	17.920.100	6.954.060	2.58
16	SSI	04/11/2026	20.4	47.036.100	19.133.146	2.46
17	KDH	04/11/2026	13.8	11.749.400	4.820.037	2.44
18	DPG	04/11/2026	32	1.179.400	521.757	2.26
19	VND	04/11/2026	13.95	21.649.300	9.578.077	2.26
20	HHP	04/11/2026	18.05	2.976.000	1.321.570	2.25
21	HHS	04/11/2026	9.55	2.683.000	1.194.583	2.25
22	SHS	04/11/2026	13.2	23.343.500	10.569.343	2.21
23	BVS	04/11/2026	27.4	1.221.000	591.903	02.06
24	CII	04/11/2026	13.85	18.034.400	8.854.497	02.04
25	FTS	04/11/2026	19.55	1.563.000	771.977	02.02
26	HPG	04/11/2026	21.7	38.465.700	19.719.354	1.95
27	FPT	04/11/2026	53.9	12.822.500	6.709.604	1.91
28	TCX	04/11/2026	28.35	5.485.500	2.875.627	1.91
29	CDC	04/11/2026	22.8	507.600	267.947	1.89



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	04/11/2026	7.17	1.175.210	50.04	07.07	1.4
2	CTS	04/11/2026	23.5	2.082.030	66.26	22.65	1.76
3	DCL	04/11/2026	44.4	594.690	43.16	44.38	0.03
4	DRI	04/11/2026	13.5	1.281.310	34.42	12.87	4.89
5	FRT	04/11/2026	144	540.500	49.14	137.67	4.6
6	GMD	04/11/2026	51.7	2.396.400	45.2	50.11	3.17
7	HCM	04/11/2026	24.25	3.798.740	54.42	23.13	4.82
8	MST	04/11/2026	9	1.244.040	45.55	08.06	4.63
9	NAB	04/11/2026	12.65	2.510.660	60.09	11.96	5.79
10	NKG	04/11/2026	12.5	6.963.980	72.68	12.02	3.98
11	PVT	04/11/2026	21	6.381.450	35.58	20.68	1.55
12	TCB	04/11/2026	21.85	18.226.730	48.13	21.46	1.83
13	TVN	04/11/2026	9.5	1.167.840	45.26	9.22	2.99
14	VJC	04/11/2026	134.4	954.960	68.15	130.72	2.81
15	VPB	04/11/2026	22.15	14.324.740	41.2	21.45	3.24

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	MSB	16.45	16.4	9.044.110

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BSI	29.4	29.4	721.350
2	CTD	68	68	627.230
3	DPG	32	31	820230
4	HDC	12.6	12.6	3.358.070
5	NKG	12.5	12.15	6.963.980
6	SZC	20.55	20.2	999.260
7	TCH	12.75	12.47	8.412.280
8	VGS	19.4	19.3	522.640
9	VIB	14.25	14.2	7.120.830
10	VPL	90.6	90.1	1197980

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AIG	43.1	43.8	14.580
2	CAP	39.5	39.6	12.780
3	CSM	11.65	11.75	141.990
4	DHG	83	83.8	11.590
5	HLD	11.3	11.4	15.920
6	HND	8.5	8.6	12.070
7	HVT	20.3	20.6	32.070
8	MZG	10.25	10.45	1.178.360
9	SJE	9.7	9.9	32.680
10	THG	25.6	25.75	20200
11	VNS	5.3	5.32	58.930
12	VSH	40.5	40.6	31.630
13	VTE	5.9	5.92	78150

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CKG	5	4.8	23.910
2	CRE	4.16	4.1	362.880
3	DHG	83	82.6	11.590
4	HLD	11.03	10.9	15.920
5	HND	8.5	7.5	12.070
6	HVT	20.3	20.2	32.070
7	PPT	4.9	4.9	534.320
8	SJE	9.7	9.4	32.680
9	THG	25.6	25.55	20.200
10	TIG	5	4.8	1.339.440
11	TNI	03.09	3.78	12.330
12	VNS	5.3	5.25	58.930

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.17	07.07	1.175.210
2	CTS	23.05	22.65	2.082.030
3	GMD	51.7	50.11	2396400
4	TCB	21.85	21.46	18.226.730
5	VPB	22.15	21.45	14.324.740

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BVS	27.4	27.13	601.610
2	CEO	11.9	11.54	7.609.370
3	CII	13.85	13.19	11214410
4	CTG	31.05	30.46	7.114.070
5	DIG	10	9.88	5.273.630
6	EVF	11.75	11.74	1.261.170
7	FRT	144	142.61	540.500
8	GEE	67.7	66.86	1.693.020
9	HHV	9.61	9.43	2.826.190
10	HUT	12.7	12.62	1900300
11	HVN	22.05	21.1	634910
12	IDC	35.3	33.47	946990
13	IJC	7.15	6.92	998910
14	KBC	27.05	26.03	1212550
15	MBS	16.1	16.06	2899390
16	MSN	72.3	70.62	4856280
17	MWG	74.5	73.19	2834910
18	SHS	13.2	13.15	10348030
19	SSI	20.4	20.22	19557080
20	TCB	21.85	21.83	18226730

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.2	10.15	1.213.390
2	BVS	27.4	26.5	601.610
3	CII	13.85	13.7	11214410
4	CTG	31.5	30.2	7.114.070
5	DBC	15.75	15.72	1.723.780
7	EIB	16.55	16.5	7316450
8	EVF	11.75	11.63	1261170
9	GEX	22.7	22.64	8597460
10	HDG	15.3	14.96	771190
11	HUT	12.7	12.42	1900300
12	IDC	35.3	34.83	946990
13	MBS	16.1	15.19	2899390
14	ORS	14.8	14.22	7705310
15	PDR	11.5	11.41	6078640
16	PET	51.5	51.17	769620
17	POW	12.45	12.39	4479720
18	SHB	10.75	10.55	35399040
19	SSI	20.4	19.52	19557080
20	TCX	28.35	27.84	3608660
21	VCK	28.95	27.48	1651210
22	VHM	63.2	62.6	7475970
23	VIX	12.6	12.06	31463630
24	VND	13.95	13.39	8917270
25	VPX	23.5	23.07	581530
26	VRE	24.2	23.6	3292690
27	VSC	13.6	13.55	16065800
28	VTZ	20.3	20.25	1004850

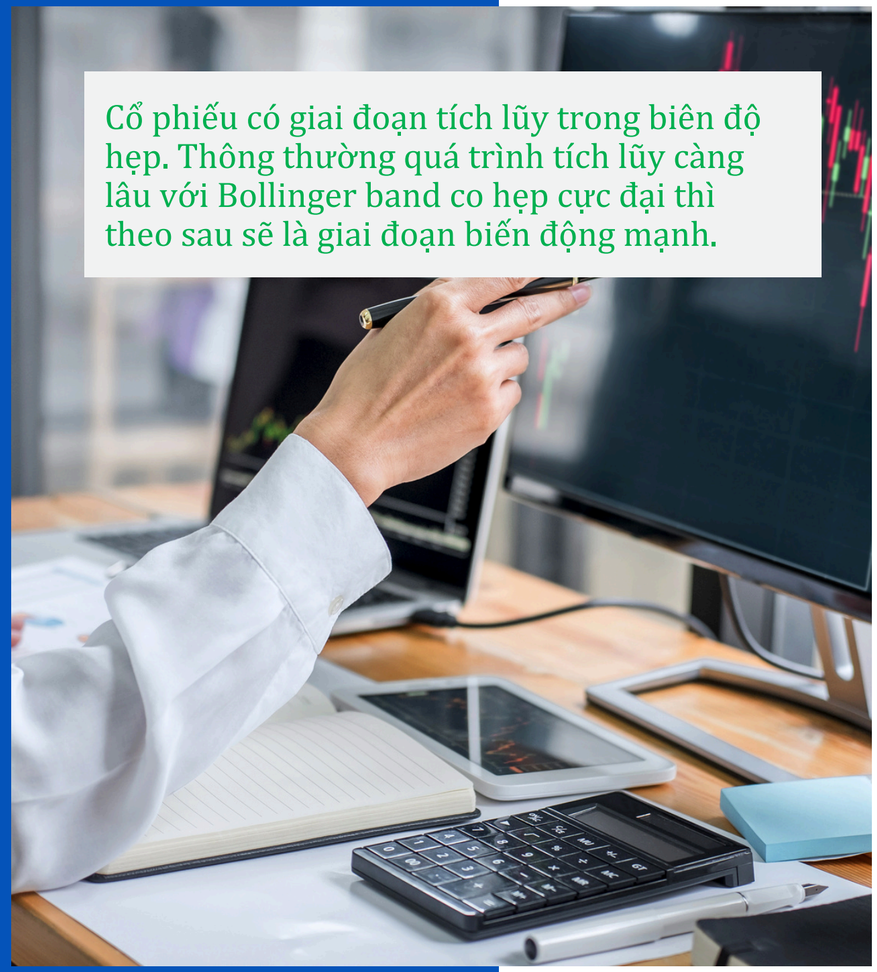
Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

Cắt xuống đường trung bình MA50



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAF	04/11/2026	48.1	47.7	48.7	2.1	261,280
2	SJD	04/11/2026	14.05	13.75	14.35	4.36	111,260
3	TCL	04/11/2026	28.9	28.5	29.75	4.39	18,200
4	VTZ	04/11/2026	20.3	20	20.9	4.5	928,040
5	SCG	04/11/2026	64.1	63.4	66.3	4.57	25,400
6	CLX	04/11/2026	13	12.7	13.4	5.51	34,580
7	ODE	04/11/2026	45	44.7	47.2	5.59	19,940
8	CHP	04/11/2026	25.9	25.32	26.85	06.04	11,760
9	DVP	04/11/2026	73.9	72.5	77.2	6.48	12,620
10	HTI	04/11/2026	18.55	18	19.2	6.67	15,180
11	NCT	04/11/2026	81.4	80.9	86.3	6.67	16,100
12	GDT	04/11/2026	15.95	15.4	16.45	6.82	7,360
13	NTC	04/11/2026	128.9	120.9	129.5	07.11	13,020
14	VSH	04/11/2026	40.5	40	42.94	7.35	51,700
15	MCM	04/11/2026	25.65	25	26.95	7.8	15,620
16	LHG	04/11/2026	26.6	25.4	27.4	7.87	67,100
17	VNR	04/11/2026	17.6	17.2	18.6	8.14	17,140
18	NBB	04/11/2026	17.3	16.4	17.8	8.54	16,780
19	VGP	04/11/2026	29.1	26.8	29.1	8.58	20,140
20	HMC	04/11/2026	10.55	10.2	11.1	8.82	9,240
21	HTG	04/11/2026	35.4	32.55	35.5	9.6	20,100
22	SMB	04/11/2026	40.6	38.4	41.9	9.11	6,360
23	KDC	04/11/2026	50.4	48.1	52.5	9.15	142,640
24	ICT	04/11/2026	17	15.8	17.25	9.18	12,080
25	TBC	04/11/2026	30.8	30	32.79	9.3	13,880
26	BAF	04/11/2026	30.95	28.55	31.25	9.46	1,826,900
27	CQN	04/11/2026	31.5	29.1	31.9	9.62	30,900

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115